

UBND TỈNH BẾN TRE  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 943 /SGD&ĐT-GDTH  
V/v giáo dục học sinh khuyết tật  
học hòa nhập ở cấp tiểu học

Bến Tre, ngày 24 tháng 9 năm 2008

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã.

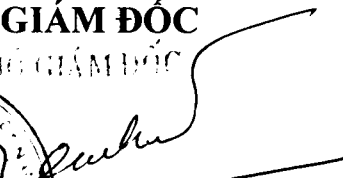

Căn cứ công văn số 7720/BGDĐT-GDTH ngày 22/8/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc *Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2008-2009 đối với giáo dục tiểu học*, căn cứ tài liệu tập huấn *Quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật cấp tiểu học* do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Sở Giáo dục và Đào tạo trích, biên soạn một số nội dung về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật gồm:

- Khái niệm và phân loại khuyết tật.
- Đánh giá, xếp loại học sinh khuyết tật.
- Phiếu tìm hiểu khả năng và nhu cầu trẻ khuyết tật.
- Mẫu kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật.
- Phiếu dự giờ dạy học hòa nhập trẻ khuyết tật.
- Phiếu đánh giá tiết dạy lớp có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các Phòng Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu và chỉ đạo các trường tiểu học tổ chức thực hiện ngay từ năm học 2008-2009. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung nào chưa rõ thì liên hệ với Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Giáo dục Mầm non - Tiểu học) để trao đổi, thống nhất.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu VT, GDTH.

KÌ GIÁM ĐỐC  
CHỖ GIÁM ĐỐC  
  
  
Lê Văn Chín

## A. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI KHUYẾT TẬT

### 1. Khái niệm trẻ khuyết tật

Trẻ khuyết tật là những trẻ có khiếm khuyết về cấu trúc cơ thể hoặc các chức năng hoạt động không bình thường dẫn đến gặp khó khăn nhất định và không thể theo được chương trình giáo dục phổ thông nếu không được hỗ trợ đặc biệt về phương pháp giáo dục - dạy học và những trang thiết bị hỗ trợ cần thiết.

### 2. Phân loại khuyết tật

Có các dạng khuyết tật chính sau:

**a. Khiếm thính:** bị suy giảm sức nghe ở những mức độ khác nhau, dẫn đến khó khăn về ngôn ngữ và giao tiếp, ảnh hưởng đến quá trình nhận thức và các chức năng tâm lý khác. Trẻ khiếm thính được phân chia ra các mức độ:

- *Mức 1 (điếc nhẹ):* sức nghe còn trong khoảng 40-55 db (đề xi ben) . Trẻ còn nghe được âm thanh lời nói bình thường trong môi trường yên tĩnh và nhìn được miệng của người nói. Trong lớp học có âm thanh nền lớn, trẻ sẽ gặp khó khăn khi nghe không đầy đủ.

- *Mức 2 (điếc vừa):* sức nghe còn trong khoảng 56-70 db. Trẻ nghe được tiếng nói to khi nhìn hình miệng trong môi trường yên tĩnh. Nếu có máy trợ thính phù hợp, trẻ có thể nghe được bình thường.

- *Mức 3 (điếc nặng):* sức nghe còn trong khoảng 71-90 db. Trẻ có thể nghe được một số âm thanh, tiếng nói nếu được sử dụng máy trợ thính phù hợp. Nếu không có máy trợ thính phù hợp trẻ khó có thể giao tiếp bằng lời.

- *Mức 4 (điếc đặc):* sức nghe còn trong khoảng từ 90 db trở lên. Trẻ có thể nghe được một số âm thanh, tiếng nói nếu được sử dụng máy trợ thính phù hợp và được luyện tập từ nhỏ. Tiếng nói của trẻ không hoàn chỉnh hoặc không có. Trẻ chủ yếu giao tiếp bằng cử chỉ.

**b. Khiếm thị:** bị suy giảm hay mất khả năng nhìn do nhiều nguyên nhân khác nhau. Trẻ khiếm thị có 2 mức độ:

- *Trẻ mù (thị lực < 0,04 vis)* là trẻ không phân biệt được 5 đầu ngón tay cách mắt 15 cm. Những trẻ loại này cần phải sử dụng ký hiệu chữ nổi Braille trong quá trình học tập.

- *Trẻ nhìn kém* là trẻ khi có phương tiện hỗ trợ tối đa, thị lực đạt 0,04 vis đến 0,03 vis.

**c. Chậm phát triển trí tuệ:** bị suy giảm ít hay nhiều năng lực hoạt động nhận thức và khả năng thích ứng trong sinh hoạt cá nhân, cộng đồng và xã hội. Trẻ có những biểu hiện như:

- Khó tiếp thu chương trình phổ thông.
- Chậm hiểu, chóng quên.

- Ngôn ngữ kém phát triển, vốn từ nghèo, thường phát âm sai.
- Khó thiết lập mối tương quan giữa các sự vật, hiện tượng.
- Kém hoặc thiếu một số kĩ năng sống đơn giản.
- Khó kiểm soát được hành vi của bản thân.
- Một số trẻ có hình dáng, tầm vóc không bình thường.

**d. Khuyết tật ngôn ngữ-giao tiếp:** có sự phát triển lệch lạc về ngôn ngữ, biểu hiện đa dạng như nói ngọng, nói lắp, nói không rõ, không nói được (câm nhưng không điếc).

**đ. Khuyết tật vận động:** những cơ quan vận động bị tổn thương do các nguyên nhân khác nhau (chấn thương, hậu quả của một số bệnh ...) gây nên những khó khăn khi di chuyển, hoạt động cầm, nắm, đứng, ngồi ... Trẻ khuyết tật vận động có 2 dạng chính:

- Trẻ bị hội chứng não nặng dẫn đến khuyết tật vận động. Những trẻ loại này thường là trẻ có khó khăn học tập ở mức độ nặng.

- Trẻ bị chấn thương nhẹ hoặc bệnh bại liệt gây ra làm què, cụt, khoèo, liệt chân tay ... nhưng não bộ vẫn phát triển bình thường.

**e. Đa tật:** có từ 2 dạng khuyết tật trở lên.

## **B. ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC SINH KHUYẾT TẬT**

### **1. Quan điểm, nội dung đánh giá kết quả giáo dục học sinh khuyết tật**

#### **a. Quan điểm đánh giá**

Việc đánh giá kết quả giáo dục học sinh khuyết tật có một ý nghĩa rất lớn: đánh giá để giúp học sinh phát triển. Trong đánh giá phải thấy được mặt mạnh, mặt tích cực mà học sinh đạt được để phát huy, đồng thời phát hiện những hạn chế, yếu kém để có biện pháp cụ thể giúp các em phát triển. Khi đánh giá học sinh khuyết tật cần đối chiếu, xem xét khả năng, sự tiến bộ của các em; điều kiện học tập; môi trường gia đình, cộng đồng và mục tiêu, kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật.

#### **b. Nội dung đánh giá**

Học sinh khuyết tật được đánh giá theo 3 nội dung:

- *Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức:*

\* *Với học sinh có khuyết tật nhẹ:* được đánh giá như học sinh bình thường.

\* *Với học sinh có khuyết tật nặng:* tùy dạng tật, mức độ cần vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo trong cách đánh giá để động viên, khích lệ.

- *Đánh giá rèn luyện kĩ năng:* theo các mặt như giao tiếp, lao động, học tập và sinh hoạt.

- *Đánh giá thái độ*: đánh giá các biểu hiện về hành vi, cử chỉ, lời nói, hành động, tình cảm đối với người khác hoặc đối với sự việc nào đó qua cách giao tiếp, ứng xử.

## 2. Xếp loại kết quả giáo dục học sinh khuyết tật

Việc xếp loại học sinh khuyết tật là nhằm mục đích động viên, khuyến khích các em trong việc phấn đấu nâng cao hiểu biết và rèn luyện các kỹ năng sống. Cũng như học sinh bình thường có thể cho điểm, xếp loại học sinh khuyết tật dựa vào năng lực, kết quả học tập của cá nhân trẻ có đối chiếu với kế hoạch giáo dục cá nhân đầu năm học.

## 3. Đánh giá kết quả giáo dục học sinh khuyết tật theo dạng tật

### a. Khiếm thính:

- *Đánh giá các kỹ năng xã hội*: như học sinh bình thường.

- *Đánh giá kết quả học tập*:

\* *Môn Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thủ công*: như học sinh bình thường.

\* *Môn Toán, Đạo đức, TN-XH*: đánh giá như học sinh bình thường (khi đánh giá phải biểu đạt bằng ngôn ngữ cử chỉ).

\* *Môn Tiếng Việt*:

+ *Tập đọc*: chủ yếu kiểm tra khả năng đọc hiểu, chú ý đến nội dung chính, không quá chú trọng đến từ đơn lẻ không nằm trong ngữ cảnh. Dựa vào khả năng của học sinh, giáo viên có thể áp dụng một trong các hình thức sau:

- Theo độ khó ↑
- Đọc thành lời (đối với học sinh có khả năng nói).
  - Hiểu từng từ.
  - Hiểu nội dung cụm từ và câu.
  - Hiểu nội dung chính của đoạn.
  - Đọc hiểu: hiểu nội dung chính của bài (học sinh hiểu mình đọc gì).

+ *Chính tả*:

- Đối với học sinh không nghe và nói được cần kết hợp nhìn hình miệng, chữ cái ngón tay, cử chỉ, điệu bộ để diễn ý.
- Đối với học sinh điếc nặng có thể cho phép chép bài.

+ *Kể chuyện*:

- Kể chuyện qua tranh: học sinh biểu đạt qua ngôn ngữ cử chỉ.
- Kể chuyện qua trí nhớ: khi không nhớ được tên, học sinh chỉ cần biểu đạt có sự kiện gì xảy ra trong bối cảnh nào là được.

+ *Tập làm văn*: đánh giá theo yêu cầu các nội dung (chấm ý). Chấp nhận đặc thù về câu ngược, từ ngược và lỗi chính tả.

+ *Từ ngữ-ngữ pháp:*

- Hiểu một số từ đơn giản, làm bài tập từ ngữ lựa chọn từ để điền vào ô trống.
- Viết câu đơn giản (2 thành phần).

**b. Khiếm thị:**

- *Đánh giá các kỹ năng xã hội:* như học sinh bình thường.

- *Đánh giá kết quả học tập:*

\* *Môn Âm nhạc, Mĩ thuật:* như học sinh bình thường, chỉ thay vẽ bằng nặn.

\* *Môn Thể dục:* như học sinh bình thường, chỉ thay chạy, nhảy xa bằng đi và định hướng theo nguồn âm.

\* *Môn Toán:* như học sinh bình thường (từ lớp 1 đến lớp 4). Riêng lớp 5, phân phân số cần giảm số lượng bài tập (do phải mất nhiều thời gian để thể hiện qua chữ nổi).

\* *Môn Tiếng Việt:* đánh giá như học sinh bình thường qua chữ nổi, chú ý:

+ *Tập làm văn:* thay phần tả thực qua quan sát tranh bằng mắt sang quan sát tranh bằng sờ.

+ *Tập viết:* thay phần viết chữ thường sang viết chữ nổi.

**c. Chậm phát triển trí tuệ:**

- *Đánh giá các kỹ năng xã hội:* dựa vào mục tiêu, kế hoạch giáo dục cá nhân để đánh giá theo các mức độ: tiến bộ rõ rệt, có tiến bộ, ít tiến bộ.

- *Đánh giá kết quả học tập:*

\* *Môn Thể dục, Mỹ thuật, Thủ công:* như học sinh bình thường.

\* *Môn Âm nhạc, Đạo đức, TN-XH:* hạn chế khối lượng kiến thức và độ sâu kiến thức.

\* *Môn Toán, Tiếng Việt:* dựa vào mục tiêu, kế hoạch giáo dục cá nhân để đánh giá theo các mức độ: tiến bộ rõ rệt, có tiến bộ, ít tiến bộ.

**d. Khuyết tật ngôn ngữ-giao tiếp:**

- *Đánh giá các kỹ năng xã hội:* như học sinh bình thường.

- *Đánh giá kết quả học tập:*

\* *Môn Tiếng Việt:* như học sinh bình thường, riêng phân môn Tập đọc thì dựa vào mục tiêu, kế hoạch giáo dục cá nhân để đánh giá theo các mức độ: tiến bộ rõ rệt, có tiến bộ, ít tiến bộ.

\* *Các môn còn lại:* như học sinh bình thường.

**đ. Khuyết tật vận động:**

- *Đánh giá các kỹ năng xã hội:* như học sinh bình thường.

- *Đánh giá kết quả học tập:*

\* *Học sinh khuyết tật chân:* như học sinh bình thường, trừ một số nội dung có liên quan đến vận động chân trong môn Thể dục.

\* *Học sinh khuyết tật tay:* khuyến khích học sinh viết bằng cùi tay, chân hoặc bằng miệng. Cần giảm số lượng, nội dung bài tập hoặc tăng thời gian làm bài để học sinh có thể hoàn thành bài thực hành ngay tại lớp.

***e. Đa tật***

- *Đánh giá các kỹ năng xã hội:*

Kết hợp các cách đánh giá về dạng khuyết tật mà học sinh gặp phải.

- *Đánh giá kết quả học tập:*

Kết hợp các cách đánh giá về dạng khuyết tật mà học sinh gặp phải.

---

## PHIẾU TÌM HIỂU KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU TRẺ KHUYẾT TẬT

- Họ và tên: ..... nam, nữ: ..... sinh ngày: .....
- Lớp: ..... trường: .....
- Địa chỉ của trẻ: .....
- Dạng tật: .....

Nội dung tìm hiểu	Khả năng của trẻ	Nhu cầu cần đáp ứng
<b>1. Thể chất</b> - Sự phát triển thể chất - Các giác quan - Lao động đơn giản		
<b>2. Khả năng ng/ngữ giao tiếp</b> - Hình thức giao tiếp - Vốn từ - Phát âm - Khả năng nói - Khả năng đọc - Khả năng viết		
<b>3. Khả năng nhận thức</b> - Cảm giác - Tri giác - Trí nhớ - Tư duy - Chú ý - Khả năng th/hiện nhiệm vụ		
<b>4. Khả năng hòa nhập</b> - Quan hệ bạn bè - Quan hệ với tập thể - Hành vi, tính cách		
<b>5. Môi trường giáo dục</b> - Gia đình - Nhà trường - Cộng đồng		

# KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ KHUYẾT TẬT

Năm học .....

## 1. Thông tin chung

- Họ và tên: ..... nam, nữ: ..... sinh ngày: .....
- Lớp: ..... trường: .....
- Họ và tên giáo viên chủ nhiệm: .....
- Họ tên cha: ..... nghề nghiệp: .....
- Họ tên mẹ: ..... nghề nghiệp: .....
- Địa chỉ gia đình: .....
- Số điện thoại liên lạc: .....

## 2. Đặc điểm chính của trẻ

- Dạng tật: .....
- Những điểm mạnh của trẻ: .....
- Nhu cầu của trẻ: .....

## 3. Mục tiêu năm học

- Kiến thức: .....
- Kỹ năng xã hội:
  - Kỹ năng giao tiếp: .....
  - Hành vi, ứng xử: .....
- Phục hồi chức năng: .....

### Mục tiêu học kỳ I

- Kiến thức: .....
- Kỹ năng xã hội:
  - Kỹ năng giao tiếp: .....
  - Hành vi, ứng xử: .....



- *Phục hồi chức năng:* .....
- .....

#### 4. Kế hoạch giáo dục hàng tháng

Tháng	Nội dung	Biện pháp thực hiện	Kết quả mong đợi
9	Kiến thức		
	KNXH		
	PHCN		
10	Kiến thức		
	KNXH		
	PHCN		
11	Kiến thức		
	KNXH		
	PHCN		
12	Kiến thức		
	KNXH		
	PHCN		

1	Kiến thức		
	KNXH		
	PHCN		
2	Kiến thức		
	KNXH		
	PHCN		
3	Kiến thức		
	KNXH		
	PHCN		
4	Kiến thức		
	KNXH		
	PHCN		
5	Kiến thức		
	KNXH		
	PHCN		

**5. Nhận xét sự tiến bộ của trẻ**

- *Nửa học kì I* : .....

.....  
.....

Những vấn đề cần điều chỉnh bổ sung (nội dung, phương pháp, điều kiện tổ chức)

.....  
.....

- *Cuối học kì I* : .....

.....  
.....

Những vấn đề cần điều chỉnh bổ sung

.....  
.....

- *Nửa học kì II* : .....

.....  
.....

Những vấn đề cần điều chỉnh bổ sung

.....  
.....

- *Cuối năm học* : .....

.....  
.....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Kiểm tra của HT

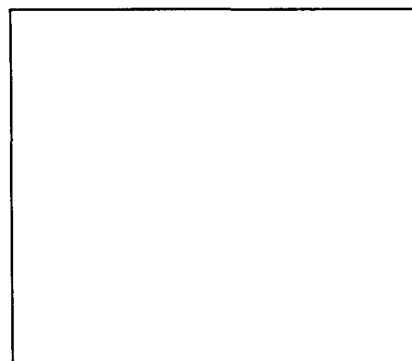
GV chủ nhiệm

## PHIẾU DỰ GIỜ DẠY HỌC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT

- Trường ..... huyện .....
- Người dạy ..... dạy lớp .....
- Bài ..... môn .....

### 1. Vị trí của giáo viên và trẻ khuyết tật trong lớp

(sơ đồ bên - chỉ rõ vị trí của  
đi, bảng, chỗ ngồi giáo viên,  
chỗ ngồi trẻ khuyết tật)

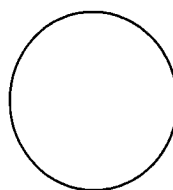


### 2. Số trẻ khuyết tật trong lớp

Dạng khuyết tật	Số lượng	Khả năng của trẻ	Nhu cầu của trẻ
Kh/tật trí tuệ			
Kh/tật ngôn ngữ			
Kh/tật vận động			

### 3. Tỷ lệ thời gian hoạt động của giáo viên và học sinh trong giờ học

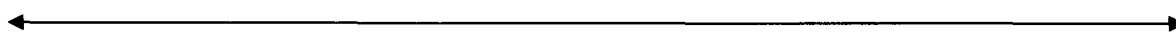
- Giáo viên giảng: ..... %.
- Hoạt động nhóm: ..... %.
- Làm việc cá nhân: ..... %.



### 4. Mức độ tham gia của trẻ khuyết tật

không tham gia

tham gia tích cực



### 5. Đồ dùng dạy học

- Được trang bị: .....
- Tự làm: .....

6. Môi trường học tập trong giờ học

Các yếu tố	Có	Không
1. Có thân thiện với trẻ khuyết tật không ?		
2. Các sản phẩm của trẻ khuyết tật có được trưng bày ko ?		
3. Các sản phẩm đó được trưng bày ở nơi phù hợp ?		
4. Trẻ khuyết tật có sử dụng bảng không ?		
5. Môi trường học tập có hấp dẫn trẻ khuyết tật không ?		

7. Hết tiết học trẻ cảm thấy như thế nào ?

Nội dung	Đánh giá của người dự
1. Mệt mỏi và chán	
2. Mệt nhưng vui	
3. Ôn ào	
4. Phấn khởi, nhiệt tình	
5. Tình cảm của HS đối với GV	
6. Các ý kiến khác	

**Người dự giờ**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY**  
**LỚP CÓ TRẺ KHUYẾT TẬT HỌC HÒA NHẬP**

Họ và tên người dạy: .....

Trường: ..... Lớp: .... Môn: .....

Tên bài dạy: .....

Họ và tên các trẻ khuyết tật:

1. .... dạng tật .....
2. .... dạng tật .....
3. .... dạng tật .....

Tiêu chí đánh giá	Điểm số	Điểm đạt
<b>1. Nội dung bài học</b>		
1.1. Tổ chức hướng dẫn HS KT chiếm lĩnh kiến thức bài học có hệ thống, chính xác.	2	....
1.2. Tổ chức hướng dẫn HS KT chiếm lĩnh kiến thức cơ bản tối thiểu.	2	....
1.3. Rèn kĩ năng chung và kĩ năng đặc thù cho HS KT.	3	....
1.4. Giáo dục tư tưởng, tình cảm HS KT thích hợp.	1	....
<b>2. Phương pháp giảng dạy</b>		
2.1. Tổ chức hướng dẫn tiết học hợp lý, phối hợp hoạt động giữa giáo viên và học sinh, phát huy được tính tích cực chủ động của mọi đối tượng học sinh	3	....
2.2. Hướng dẫn HS KT học tập có hiệu quả, khuyến khích học tập, kịp thời uốn nắn những sai sót của học sinh.	2	....
2.3. Phối hợp linh hoạt các phương pháp giảng dạy trên cơ sở giáo viên giữ vai trò tổ chức, học sinh chủ động học tập, sử dụng các kĩ năng đặc thù phù hợp đối với HS KT.	3	....
2.4. Sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả.	1	....
2.5. Phân bố thời gian hợp lý giữa các hoạt động.	1	....
<b>3. Tác phong sư phạm của giáo viên</b>		
3.1. Ngôn ngữ của giáo viên giản dị, cụ thể, giọng nói và điệu bộ thích hợp.	1	....
3.2. Gần gũi và thương yêu học sinh.	1	....
<b>Xếp loại:</b>	<b>Tổng số điểm</b>	<b>20</b>

Nhận xét tóm tắt .....

.....

**Người dự**